TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/DS-ST
Ngày: 23-5-2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC - TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Ẩn

2. Bà Nguyễn Thị Oanh Thy

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trương Văn Bình Em - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2023/TLST - DS ngày 13 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2023/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng K;

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông M - Tổng Giám đốc;

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Bà N - Phó Giám đốc phụ trách Ngân hàng K - Chi nhánh Long An (theo Văn bản ủy quyền số 75/QĐ-NHKL ngày 17/01/2022 của Ngân hàng K);

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Nga: Ông X - Trưởng phòng khách hàng cá nhân kiêm trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng K - Chi nhánh Long An (theo Giấy ủy quyền ngày 13/9/2022);

Địa chỉ trụ sở chính: Số 40-42–44 đường Ph, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ chi nhánh: Khu Thương mại Dịch vụ, đường Số 1, khu công nghiệp Th, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông T, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Ấp Ch, xã L, huyện B, tỉnh Long An..

(ông X vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; ông T vắng mặt, không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN*:*

Tại Đơn khởi kiện ngày 06/9/2022, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn K (sau đây gọi tắt là Ngân hàng K) do ông X - Trưởng phòng khách hàng cá nhân kiêm trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp - Ngân hàng K - Chi nhánh Long An (sau đây gọi tắt là Chi nhánh Long An) là người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền trình bày:

Ngày 19/3/2018, K do Chi nhánh Long An đại diện và ông Trương Hoàng T có thỏa thuận để ký kết Hợp đồng tín dụng cho vay thấu chi tài khoản CBNV, CTV không có TSBĐ số hợp đồng 176/18/HĐTD/1900-6999 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng).

Nội dung thỏa thuận cụ thể: K (Bên B) có cấp cho ông T (Bên A) hạn mức tối đa được vay là 4.000.000đồng, thông qua hình thức cấp hạn mức thấu chi; Hình thức vay: Thấu chi không có tài sản bảo đảm; Mục đích vay: Tiêu dùng; Ngày đến hạn là ngày 07/01/2019; Phương thức trả nợ: Bên A có trách nhiệm hoàn trả nợ trước khi hết thời hạn cấp hạn mức thấu chi (HMTC) theo Hợp đồng tín dụng; Hình thức giải ngân: Bên A được quyền sử dụng tiền vay theo HMTC được cấp bằng một hoặc tất cả các phương thức gồm rút tiền mặt, chuyển khoản thanh toán hoặc các hình thức giao dịch khác do Bên B thông báo trong từng thời điểm; Phương thức trả nợ gốc: Được trả vào ngày phát sinh giao dịch ghi có vào tài khoản Bên A được Bên B tự động hạch toán thu nợ, trường hợp bên A bị chấm dứt hạn cấp HMTC theo hợp đồng này thì nợ gốc được trả vào ngày chấm dứt hợp đồng, trường hợp khi hết hạn HMTC mà Bên A chưa trả hết số tiền vay thì toàn bộ số tiền vay theo HMTC đó chuyển sang nợ quá hạn từ thời điểm chấm dứt HMTC và áp dụng mức lãi suất quá hạn như quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Hợp đồng này, trừ thỏa thuận khác; Phương thức trả lãi: Vào ngày 03 hàng tháng và vào ngày đến hạn của khoản vay; Lãi suất trong hạn: 10.9 %/năm, lãi suất cho vay CBNV K được điều chỉnh 03 tháng một lần và được tính bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ cộng (+) biên độ 3,7%/năm; Lãi suất phạt chậm trả: 10%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm xử lý chuyển nợ quá hạn; Lãi suất cho vay được tính theo ngày; Tiền thấu chi được tính từ ngày bên A rút tiền lần đầu tiên trong HMTC được cấp và theo lãi suất của Hợp đồng này.

Quá trình thực hiện hợp đồng: K đã tiến hành giải ngân vào tài khoản tiền gửi thanh toán (TKTGTT) số 10446433 tại K của ông T với số tiền giải ngân thấu chi nhiều lần tổng cộng là 3.940.166đồng (dưới hạn mức được cấp là 4.000.000đồng). Ông T đã sử dụng hết số tiền được giải ngân trên nhưng khi đến hạn thanh toán thì không thực hiện được. Sau nhiều lần làm việc để tìm cách

thương lượng nhưng không có kết quả nên K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình.

Nội dung khởi kiện: Yêu cầu ông T có nghĩa vụ thanh toán nợ vay cho K với tổng số tiền tính đến hết ngày 23/5/2023 là 7.186.952đồng (trong đó gồm nợ gốc là 3.940.166đồng, lãi trong hạn là 292.986đồng, tiền phạt chậm trả lãi là 136.894đồng, lãi quá hạn là 2.816.906đồng); ông T có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho K tiền lãi và phí phạt phát sinh kể từ ngày 24/5/2023 theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán hoàn tất toàn bộ số nợ.

Đồng thời, nguyên đơn xác định: Trách nhiệm thanh toán nợ vay là của cá nhân ông T , không liên quan đến cá nhân hay tổ chức nào khác nên chỉ khởi kiện ông T . Quá trình giải quyết vụ án, K đã cung cấp tài liệu chứng cứ đầy đủ, không còn tài liệu chứng cứ nào khác chưa giao nộp, không đề nghị Tòa án thu thập thêm, không yêu cầu đưa người nào khác vào tham gia tố tụng.

Bị đơn ông Trương Hoàng T : Ông T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không cung cấp ý kiến cũng như tài liệu chứng cứ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, ông T vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án. Cho nên, Tòa án lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản không hòa giải được. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu không tiến hành hòa giải. Do đó, Tòa án không tiếp tục hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, ông T vắng mặt không rõ lý do, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về pháp luật tố tụng

[1.1] K khởi kiện yêu cầu ông T thanh toán toàn bộ nợ vay phát sinh từ hợp đồng, đồng thời xác định thông tin cư trú của bị đơn trong đơn khởi kiện được nguyên đơn ghi đúng theo địa chỉ mà bị đơn đã tự cung cấp trong Hợp đồng tín dụng. Cho nên, căn cứ khoản 3 Điều 5, Điều 6 "Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án", Tòa án xác định bị đơn trong vụ án này có nơi cư trú tại xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An là phù hợp. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[1.2] Về tư cách tham gia tố tụng: K được xác định là nguyên đơn và bị đơn là ông Trương Hoàng T theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, đồng thời cũng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự vắng mặt, Tòa án đã tiến hành gửi bản sao Đơn khởi kiện cùng toàn bộ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tống đạt các văn bản tố tụng gồm Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về việc Tòa án đã thu thập được tài liệu chứng cứ, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và Thông báo thực hiện quyền đưa ra yêu cầu phản tố để đương sự biết và thực hiện nhưng Tòa án không nhận được bất kỳ tài liệu chứng cứ, ý kiến hay yêu cầu gì của ông T . Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án. Đồng thời, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về pháp luật nội dung

[2.1] Xét hình thức, nội dung Hợp đồng tín dụng: Hợp đồng được xác lập giữa K và ông T trên cơ sở tự nguyện, có nội dung không trái pháp luật và đạo đức xã hội, có hình thức phù hợp theo quy định tại các Điều 405 và Điều 406 Bộ luật Dân sự. Do đó, Hợp đồng tín dụng được xác định là hợp pháp, làm căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia giao kết hợp đồng.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của K :

K và ông T có thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng tín dụng với số tiền vay thấu chi được cấp trong hạn mức tối đa là 4.000.000đồng, ngày đến hạn là ngày 07/01/2019. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã sử dụng hết toàn bộ số tiền được nguyên đơn giải ngân vào tài khoản cá nhân là 3.940.166đồng, nên dư nợ hiện tại của ông T là 3.940.166đồng. Khi đến hạn thanh toán là ngày 07/01/2019, K đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông T vẫn không thực hiện thanh toán đầy đủ là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 2 Hợp đồng tín dụng và khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét thấy, các nội dung trong Hợp đồng tín dụng về hạn mức cho vay, lãi suất cho vay, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, phí phạt do các bên tự nguyện thỏa thuận và phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án, ông T vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án hoặc văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của K về việc yêu cầu ông T có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc còn lại

và tiếp tục trả lãi vay, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả tính đến hết ngày 23/5/2023 với số tiền tổng cộng là 7.186.952đồng theo Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên nghĩa vụ thanh toán theo quy định, nguyên đơn khởi kiện có căn cứ chấp nhận nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án;

Áp dụng các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 90, Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật về lãi, lãi suất và phạt vi phạm; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn K đối với bị đơn ông Trương Hoàng T .

Buộc ông Trương Hoàng T có nghĩa vụ thanh toán cho K số tiền vay gốc còn nợ là 3.940.166 đồng và tiền lãi tính đến hết ngày 23/5/2023 là 3.246.786 đồng, tổng cộng là 7.186.952 đồng (bảy triệu một trăm tám mươi sáu nghìn chín trăm năm mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Trương Hoàng T còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh cho K theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho vay thấu chi tài khoản CBNV, CTV không có TSBĐ số hợp đồng 176/18/HĐTD/1900-6999 ngày 19/3/2018 cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ thanh toán.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trương Hoàng T phải chịu án phí là 359.348đồng (ba trăm năm mươi chín nghìn, ba trăm bốn mươi tám đồng).

Hoàn trả lại K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009454 ngày 07/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

5. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

6. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- CC.THADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Thái Thị Thanh Thúy

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 30 tháng 01 năm 2023

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Năm

Bà Nguyễn Thị Thu T

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 172/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" giữa:

1. Nguyên đơn: K

Địa chỉ: số 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Tân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: ông M , chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Thanh X , chức vụ: Trưởng phòng kinh doanh K – chi nhánh Long An.

Văn bản ủy quyền số 10/UQ-CNLA ngày 06/9/2022.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn Thiệt, sinh năm 1970

Địa chỉ: 175 khu C khu phố Rạch Đào, thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 205, 207; Các Điều 227, 147, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long.

Buộc ông Lê Văn Thiệt có trách nhiệm hoàn trả cho K số tiền vay gốc là 3.945.444 đồng và tiền lãi tính đến ngày 30/01/2023 là 3.386.182 đồng, tổng cộng là 7.331.626 đồng (theo Hợp đồng tín dụng số 108/17/HĐTD/1900-5923 ngày 03/3/2017).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của K cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: ông Lê Văn Thiệt phải chịu 366.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán.

K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại K 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Toà án số 0002729 ngày 03/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Án xét xử sơ thẩm công khai vắng mặt tất cả các đương sự. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Hội đồng xét xử sơ thẩm sau khi nghị án thống nhất biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc lúc giờ phút, ngày 30 tháng 01 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Văn Năm – Nguyễn Thị Thu T	**Ngô Thị Thùy Diễm**